

Chương 5

NÔNG NGHIỆP VỚI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

5.1. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp

Nông nghiệp là ngành sản xuất ra đời đầu tiên, gắn với sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

Sản xuất nông nghiệp theo nghĩa hẹp bao gồm hai ngành chính là trồng trọt và chăn nuôi, còn theo nghĩa rộng, hoạt động sản xuất nông nghiệp ngoài trồng trọt và chăn nuôi còn bao gồm cả các ngành lâm - ngư nghiệp. Mặt khác, khi nghiên cứu giải quyết các vấn đề có liên quan đến sản xuất nông nghiệp phải đặt nông nghiệp trong mối quan hệ mật thiết với kinh tế nông thôn và vấn đề nông dân. Có thể nói nông nghiệp, nông thôn và nông dân là 3 vấn đề không thể tách rời trong quá trình phát triển nông nghiệp.

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất có những đặc điểm riêng biệt, "tuyệt đối không thể bỏ qua" được. Những đặc điểm đó có ảnh hưởng rất lớn đến công tác tổ chức quản lý cũng như việc đề ra các chính sách, giải pháp kinh tế đối với nông nghiệp.

5.1.1. Đối tượng của sản xuất nông nghiệp

Là những cơ thể sinh vật (cây trồng, vật nuôi), chúng sinh trưởng và phát triển theo những quy luật sinh vật riêng và chịu sự chi phối của các quy luật tự nhiên (quy luật vận động của thời tiết, khí hậu ...). Do đối tượng của sản xuất nông nghiệp là những cây trồng, vật nuôi nên sản phẩm nông nghiệp là những sản phẩm tươi sống có hàm lượng nước cao (có loại rất cao) nên chóng bị hỏng, gây tổn thất sau thu hoạch rất lớn. Có thể nói sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng rất lớn của các yếu tố tự nhiên và phụ thuộc vào sự thay đổi của các yếu tố đó. Vì vậy, trong quá trình phát triển nông nghiệp, con người không thể ngăn cản hay can thiệp thô bạo vào quá trình sinh vật, trái lại phải nghiên cứu và nhận thức được các quy luật đó để vận dụng thích hợp vào sản xuất.

Từ đặc điểm này có thể rút ra kết luận: Nông nghiệp không thể là một hệ thống kinh tế đơn thuần mà là một hệ thống sinh vật - kỹ thuật. Nó là một trong những ngành kinh tế phức tạp nhất.

Nhận thức đặc điểm này giúp cho ta có biện pháp phân vùng, quy hoạch sản xuất, bố trí cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế (thế mạnh) từng vùng, từng địa phương cũng như từng cơ sở sản xuất. Trong quá trình xây dựng, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật và đưa tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm sinh lý, yêu cầu về kỹ thuật sản xuất (kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch) của từng loại cây trồng, vật nuôi. Việc nghiên cứu sản xuất giống mới, nhập khẩu giống mới vào sản xuất nông nghiệp cần phải thận trọng, phải qua khảo nghiệm, kiểm tra chặt chẽ và phải được khu vực hoá đối với từng loại giống. Nếu việc bố trí các loại cây trồng, vật nuôi không phù hợp với từng vùng sinh thái từng loại đất đai hoặc nhập khẩu các loại giống cây trồng, vật nuôi không thích hợp sẽ gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp.

Nhận thức và vận dụng các quy luật sinh vật vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp không có nghĩa là con người hoàn toàn lệ thuộc vào chúng và bất lực trước tự nhiên. Cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ, con người ngày càng có khả năng cải tạo tự nhiên, phục vụ tốt hơn cho sản xuất và đời sống. Vì vậy, mỗi quốc gia, bên cạnh việc thực hiện các giải pháp trên cần có chiến lược đầu tư cải tạo, chinh phục thiên nhiên, phục vụ phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hoá, đặc biệt là những vùng có khả năng ...

Do chịu ảnh hưởng rất lớn của điều kiện tự nhiên nên sản xuất nông nghiệp thường gặp phải thiên tai, gây thiệt hại lớn đến kết quả thu hoạch. Vì vậy, đòi hỏi Nhà nước phải nghiên cứu các chính sách bảo hiểm sản xuất, chính sách bảo trợ cho sản xuất nông nghiệp nói chung và chính sách hỗ trợ cho nông thôn khi có thiên tai nói riêng ...

Do đặc điểm của sản phẩm nông nghiệp nên để giảm tổn thất sau thu hoạch và đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu cần chú trọng đầu tư cho công nghệ sau thu hoạch như chế biến, bảo quản, vận chuyển, hệ thống kho chứa .v.v...

5.1.2. Chu kỳ sản xuất nông nghiệp nói chung là dài và không giống nhau giữa các loại cây trồng, vật nuôi

Do đối tượng của sản xuất nông nghiệp là những cơ thể sinh vật nên kết quả sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào quy luật sinh trưởng, phát dục của từng loại cây trồng, vật nuôi. Vì vậy trong nông nghiệp chu kỳ sản xuất nói chung là dài và không giống nhau giữa các loại cây trồng, vật nuôi. Đối với những cây trồng ngắn ngày (cây lương thực, rau, đậu ...) hay những vật nuôi chóng cho sản phẩm (gia cầm) cũng phải từ 2 đến 3 tháng. Còn đối với những cây lâu năm (cây công nghiệp, cây ăn quả ...), các loại gia súc lớn (trâu, bò ...) thì phải từ 3 đến 5 năm hoặc lâu hơn nữa mới cho sản phẩm và cho thu hoạch trong nhiều năm.

Đặc điểm này đòi hỏi khi xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản (xây dựng vườn cây lâu năm), xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phải phù hợp với chu kỳ sản xuất, chu kỳ kinh doanh của từng loại cây trồng, vật nuôi. Cần tính toán chặt chẽ nhu cầu vật tư, tiền vốn đảm bảo quá trình sản xuất tiến hành thuận lợi. Việc nghiên cứu áp dụng các chính sách kinh tế, nhất là các chính sách tài chính, tín dụng vào nông nghiệp cần xem xét cụ thể cho phù hợp với chu kỳ sản xuất của từng loại cây, con. Trong đó ngành tài chính, ngân hàng cần lưu ý xác định thời hạn cho vay và lãi suất phù hợp với nông nghiệp. Cần áp dụng nhiều loại thời hạn cho vay (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn) để khuyến khích nông nghiệp (chủ yếu là nông dân) đầu tư phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, khai thác lợi thế nông nghiệp nhiệt đới (trồng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm ...) hoặc đầu tư cải tạo đất đai ... Trong công tác tổ chức quản lý, cần áp dụng hình thức tổ chức sản xuất thích hợp để người lao động quan tâm đến tất cả các khâu, các công đoạn của chu kỳ sản xuất nhằm đạt kết quả cuối cùng cao nhất.

Do chu kỳ sản xuất dài và phụ thuộc vào chu kỳ sinh học nên trong nông nghiệp, thời gian lao động không trùng khớp với thời gian tạo ra sản phẩm. Khi kết thúc một quá trình lao động cụ thể như làm đất, gieo trồng ... chưa có sản phẩm ngay mà phải chờ đến khi thu hoạch. Vì vậy đòi hỏi trong nông nghiệp, phải tìm ra hình thức tổ chức kinh tế, hình thức tổ chức lao động và trả công lao

động thích hợp, gắn người lao động với đối tượng sản xuất và với kết quả cuối cùng để họ quan tâm và tìm cách tạo ra nhiều sản phẩm với chất lượng và giá thành hạ.

5.1.3. Sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ rất lớn

Do cây trồng, vật nuôi trong nông nghiệp có quy luật sinh trưởng và phát triển riêng nên sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ rất rõ rệt. Trong quá trình sản xuất nông nghiệp, có thời kỳ nhu cầu tư liệu sản xuất, sức lao động, tiền vốn rất căng thẳng (thời kỳ làm đất, gieo trồng ...), ngược lại có thời kỳ lại rất nhàn rỗi (thời kỳ chăm sóc). Mặt khác, do sự biến đổi của thời tiết, khí hậu giữa các mùa nên mỗi loại cây trồng thường có sự thích nghi nhất định với điều kiện đó dẫn đến thời vụ gieo trồng và thu hoạch của các loại cây trồng cũng rất khác nhau. Muốn hạn chế tính chất thời vụ cần lưu ý, ở thời kỳ căng thẳng cần đảm bảo đủ nhu cầu về công cụ sản xuất, tập trung sức lao động, tiền vốn kịp thời. Cần có kế hoạch dự trữ vật tư, kỹ thuật; kế hoạch huy động sức lao động và vốn để đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu trong lúc mùa vụ khẩn trương. Để giảm bớt tình trạng nông nhàn, cần quan tâm phát triển nông nghiệp toàn diện, nhất là quan tâm khôi phục các ngành nghề truyền thống, phát triển các ngành công nghiệp nông thôn và các hoạt động dịch vụ ... Về phía Nhà nước và các ngành dịch vụ nông nghiệp (tín dụng, vật tư, thủy nông ...) cần nghiên cứu thực hiện các chính sách, giải pháp để đáp ứng kịp thời nhu cầu vật tư tiền vốn cũng như các dịch vụ kỹ thuật; đáp ứng kịp thời nhu cầu thời vụ của từng loại cây trồng.

Do sản xuất và thu hoạch theo thời vụ nên quy luật cung cầu có tác động rất mạnh đến giá cả các loại nông sản (thông thường giá giảm vào thời kỳ thu hoạch, tăng vào đầu kỳ hoặc cuối kỳ thu hoạch hay lúc giáp hạt). Vì vậy, Nhà nước cần đầu tư nghiên cứu các chính sách và giải pháp cụ thể để điều tiết cung cầu, đảm bảo lợi ích cho người sản xuất nông nghiệp. Chẳng hạn đối với lương thực hoặc một số nông sản xuất khẩu chủ lực, khi giá thị trường xuống quá thấp, gây bất lợi cho nông dân, Nhà nước có thể quy định giá sàn và bắt buộc các tổ chức kinh doanh, xuất khẩu mua dự trữ. Trong thời gian dự trữ, các tổ chức đó được Nhà nước cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, thậm chí không lấy lãi. Hoặc

Nhà nước đầu tư cho việc nghiên cứu công nghệ chế biến, bảo quản sản phẩm để tránh tổn thất sau thu hoạch, kéo dài thời gian tiêu thụ có ích cho người sản xuất.

5.1.4. Trong nông nghiệp, ruộng đất là tư liệu sản xuất cơ bản hàng đầu và đặc biệt, không thể thiếu, không thể thay thế được

Ruộng đất tham gia trực tiếp vào quá trình tạo ra sản phẩm nông nghiệp. Nó không chỉ là điều kiện vật chất để tồn tại ngành này mà còn tham gia với vai trò là tư liệu sản xuất cơ bản của nông nghiệp. Hậu quả của sản xuất nông nghiệp nói chung phụ thuộc vào hiệu quả sử dụng ruộng đất. Mặt khác, hiệu quả sử dụng ruộng đất lại phụ thuộc vào mức độ đầu tư các tư liệu sản xuất khác (vật tư, giống, thủy lợi ...), đầu tư vốn vào đơn vị diện tích đất đai sử dụng và phụ thuộc vào việc giải quyết mối quan hệ giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng ruộng đất, giải quyết mối quan hệ giữa ruộng đất và nông thôn.

Ruộng đất tham gia vào quá trình sản xuất nông nghiệp với tư cách là tư liệu sản xuất nhưng nó có những đặc điểm khác với các tư liệu sản xuất khác: ruộng đất là tài nguyên thiên nhiên có giới hạn về diện tích, có vị trí cố định và chất lượng đất đai không đồng đều giữa các vùng... Những đặc điểm đó ảnh hưởng lớn đến việc khai thác, sử dụng ruộng đất vì vậy cần được nghiên cứu và vận dụng một cách thích hợp vào thực tiễn phát triển nông nghiệp. Trong đó cần đặc biệt quan tâm đến chính sách đầu tư cho công tác phân vùng, quy hoạch sử dụng ruộng đất, đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ, cải tạo đất và sử dụng ruộng đất; chính sách thuế sử dụng đất nói chung và đất nông nghiệp nói riêng.

5.1.5. Sản xuất nông nghiệp diễn ra trên phạm vi không gian rộng lớn phức tạp và mang tính khu vực rất rõ nét

Hoạt động sản xuất nông nghiệp bao gồm các khâu từ cung ứng các điều kiện sản xuất (cung ứng các yếu tố đầu vào) đến sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Các hoạt động đó được tiến hành trên một địa bàn rộng lớn, phức tạp, thuộc nhiều vùng lãnh thổ có những điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội cũng như lịch sử truyền thống rất khác nhau. Mỗi vùng, mỗi địa phương có những lợi thế riêng, đồng thời cũng có những khó khăn, phức tạp trong khi phát triển kinh tế - xã hội nói chung và nông nghiệp nói riêng.

Vì vậy sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả cao cần tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa các ngành có liên quan, từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Cần gắn phát triển nông nghiệp với lâm - ngư nghiệp và công nghiệp chế biến ở từng địa phương, từng vùng lãnh thổ. Việc quy hoạch các vùng nông nghiệp chuyên môn hoá (vùng lúa, chè, cà phê, mía ...) cần gắn với việc quy hoạch phát triển giao thông vận tải, các ngành dịch vụ và công nghiệp chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm.

Để tận dụng được lợi thế so sánh của từng vùng trong phát triển kinh tế nói chung và nông nghiệp, nông thôn nói riêng, cần làm tốt công tác phân vùng, quy hoạch và bố trí cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện từng vùng. Đồng thời, Nhà nước cần quan tâm đầu tư đồng bộ cho các vùng, các địa phương về cơ sở hạ tầng cũng như đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là những vùng khó khăn, những vùng chậm phát triển. Cần nghiên cứu và thực hiện các chính sách ưu đãi đối với những vùng khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội. Đối với những vùng có nhiều lợi thế trong phát triển nông nghiệp, cần có chính sách ưu tiên trong đầu tư vốn, tạo điều kiện và khuyến khích các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài đầu tư vào các vùng đó.

5.2. Vai trò của sản xuất nông nghiệp đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế

Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, nông nghiệp là ngành sản xuất ra đời đầu tiên. Đã từ lâu, nông nghiệp là một trong hai ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội và ngày càng có vai trò quan trọng đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế đất nước.

5.2.1. Nông nghiệp là ngành sản xuất và cung cấp những sản phẩm tiêu dùng thiết yếu, có ý nghĩa quyết định đến sự tồn tại và phát triển của loài người như lương thực, thực phẩm. Đây là những vật phẩm tiêu dùng không thể thay thế được đối với đời sống con người. Như C.Mác đã khẳng định "Trước hết con người cần phải có ăn, uống, ở và mặc trước khi lo chuyện làm chính trị, khoa học, nghệ thuật và tôn giáo ...". Trên ý nghĩa đó, nông nghiệp trở thành ngành sản xuất đảm bảo những điều kiện đầu tiên cho loài người tồn tại, phát

triển và là điều kiện không thể thiếu đảm bảo cho tất cả các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế tăng trưởng và phát triển bền vững.

5.2.2. Nông nghiệp là ngành có thể tự sản xuất ra những tư liệu sản xuất không thể thay thế để tái sản xuất bản thân ngành nông nghiệp (như các loại giống cây trồng, vật nuôi, thức ăn chăn nuôi ...); đồng thời nông nghiệp còn cung cấp nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp và dịch vụ phát triển như: các ngành công nghiệp chế biến, công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp, một số ngành công nghiệp nặng và các ngành dịch vụ ăn uống, giải khát ... Có thể nói sự phát triển của nhiều ngành công nghiệp và dịch vụ phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu do nông nghiệp cung cấp. Mặt khác sản phẩm nông nghiệp qua chế biến sẽ được nâng cao chất lượng, tăng thêm giá trị và giá trị sử dụng, đáp ứng được nhu cầu trong nước và xuất khẩu, từ đó thúc đẩy các ngành công nghiệp, dịch vụ cũng như nền kinh tế tăng trưởng và phát triển. Vì vậy, các nước xuất khẩu nông sản đều rất chú trọng đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, hạ thấp tỷ lệ sản phẩm sơ chế, nâng dần tỷ lệ sản phẩm tinh chế, nhất là những mặt hàng phục vụ xuất khẩu.

Nông nghiệp là nơi sản xuất và cung cấp các mặt hàng xuất khẩu có giá trị, tạo nguồn tích lũy ban đầu và thường xuyên cho nền kinh tế. Thông qua xuất khẩu nông sản, nông nghiệp đã đóng góp tích lũy ngày càng nhiều cho nền kinh tế, đồng thời góp phần mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại tạo điều kiện thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Đối với nước ta, xuất khẩu nông sản và những mặt hàng tiểu thủ công nghiệp đang là thế mạnh, tạo điều kiện cho nền kinh tế đất nước cũng như nông nghiệp, nông thôn tiếp thu nhanh tiến bộ khoa học và công nghệ của thế giới, nhanh chóng hoà nhập vào nền kinh tế của khu vực và trên thế giới. Trong những năm qua, nông nghiệp và nông thôn nước ta đã tạo ra nhiều mặt hàng xuất khẩu quan trọng như: gạo, chè, cà phê, cao su, các sản phẩm thủ công, mỹ nghệ, các mặt hàng thủy, hải sản ... đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn cho nền kinh tế. Đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất lương thực, nông nghiệp nước ta đã đạt thành tựu rất khả quan. Từ một nước thường xuyên phải nhập lương thực, nạn đói thường xuyên đe dọa; đến nay, nước ta chẳng những tự giải quyết được nhu

cầu lương thực mà còn trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên thế giới (sau Thái Lan). Liên tục từ năm 1989 đến nay, lượng gạo xuất khẩu của nước ta ngày càng tăng (từ 1,42 triệu tấn năm 1989 đã tăng lên 4,5 triệu tấn năm 1999, và 3,5 triệu tấn vào năm 2000, 2001).

5.2.3. Nông nghiệp là nơi cung cấp nguồn nhân lực dồi dào cho các ngành kinh tế xã hội phát triển

Có thể nói, nông nghiệp là ngành duy nhất, dưới tác động của tiến bộ khoa học và công nghệ, số lượng lao động ngày càng giảm xuống cả tương đối và tuyệt đối. Nhờ đó nông nghiệp có thể tạo ra lao động dư thừa để chuyển dần sang phát triển công nghiệp, dịch vụ và các lĩnh vực khác.

Ở nước ta, theo số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê thì lao động nông nghiệp vẫn chiếm khoảng 70% tổng số lao động xã hội và 76,5% dân số đang sống ở vùng nông thôn. Đó là một nguồn tiềm năng lao động quý giá, là đội quân dự bị hùng hậu cho phát triển công nghiệp, dịch vụ trong tương lai khi nền kinh tế đất nước chuyển sang giai đoạn công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

5.2.4. Nông nghiệp còn là thị trường rộng lớn để tiêu thụ sản phẩm hàng hoá của các ngành công nghiệp và dịch vụ, góp phần quan trọng thúc đẩy các ngành tăng trưởng và phát triển

Nông nghiệp càng phát triển thì các nhu cầu về tư liệu sản xuất (máy móc, thiết bị, phân bón, hoá chất ...) và tư liệu tiêu dùng cũng như nhu cầu dịch vụ ngày càng nhiều sẽ tạo ra sức mua ngày càng lớn đối với các sản phẩm công nghiệp và dịch vụ. Ngược lại, nếu nông nghiệp kém phát triển, lạc hậu, sức mua thấp thì công nghiệp và dịch vụ cũng không phát triển được.

Vì vậy, muốn nông nghiệp, nông thôn trở thành thị trường rộng lớn tiêu thụ sản phẩm công nghiệp và dịch vụ, trước hết phải quan tâm phát triển toàn diện kinh tế nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện cho nông dân chuyển sang phát triển sản xuất hàng hoá, để nâng dần sức mua của nông dân.

5.2.5. Sự phát triển của nông nghiệp có ảnh hưởng rất lớn đến tốc độ phát triển kinh tế đất nước và tốc độ tăng trưởng GDP, đặc biệt là đối với những nước đang phát triển và chủ yếu là sản xuất nông nghiệp như nước ta.

Trong những năm 80, hàng năm nông nghiệp tạo ra từ 40 - 50% thu nhập quốc dân. Đến nay, nông nghiệp nước ta vẫn chiếm tỷ trọng cao trong GDP (năm 1999 là 25,4%, năm 2000 là 24,3% trong GDP của nền kinh tế).

Phát triển nông nghiệp sẽ làm tăng nguồn dự trữ lương thực cho quốc gia, đảm bảo nhu cầu cho quân đội, tăng cường khả năng quốc phòng cho đất nước. Dự trữ lương thực là vấn đề sống còn của mỗi nước, là tiềm lực kinh tế thể hiện sức mạnh thực sự của mỗi quốc gia. Đảm bảo dự trữ lương thực sẽ hạn chế những khó khăn, những rủi ro trong phát triển kinh tế và đời sống nhân dân, tạo cơ sở cho việc ổn định và phát triển đất nước, giữ vững an ninh và chủ quyền dân tộc.

5.2.6. Phát triển nông nghiệp còn có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ và cải tạo môi trường thiên nhiên. Với đối tượng sản xuất là cây trồng, vật nuôi gắn liền với đất đai, phát triển nông nghiệp tạo nên một hệ sinh thái hoàn chỉnh, đảm bảo sự phát triển cân bằng giữa các vùng, góp phần vào việc bảo vệ môi sinh. Tuy nhiên muốn nông nghiệp thực sự đóng góp vào việc bảo vệ môi trường, đòi hỏi mỗi nước phải có một chiến lược phát triển nông nghiệp đúng đắn, phải biết khai thác lợi thế phát triển nông nghiệp từng vùng, phải biết kết hợp nhiều loại nông sản theo một hệ sinh thái hoàn chỉnh, tránh sử dụng quá mức các loại hoá chất, tiến tới phát triển một nền nông nghiệp sạch, nền nông nghiệp sinh thái.

Như vậy, xét trên các mặt về kinh tế, xã hội và môi trường thì nông nghiệp có vai trò hết sức quan trọng đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của mỗi nước. Trong điều kiện hiện nay, hầu hết các nước đều nhận rõ: Nếu không có một nền nông nghiệp phát triển, một nền nông nghiệp tiên tiến thì nền kinh tế quốc dân khó có thể phát triển vững chắc với tốc độ cao được. Thực tế ở nhiều nước đã chứng minh, nước nào có nền nông nghiệp phát triển vững chắc đều đạt được những bước phát triển ổn định về kinh tế. Nông nghiệp được coi là điểm xuất phát của phát triển hay cải cách kinh tế của nhiều quốc gia. Vì vậy, các quốc gia đều rất chú trọng đến phát triển nông nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển.

Đối với nước ta, từ một nước mà nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp và tuyệt đại bộ phận dân số đang sống ở nông thôn, thì nông nghiệp, nông thôn càng có vị trí và vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của đất nước. Nhận thức được điều đó nên trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế qua các thời kỳ, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng đặc biệt đến phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Ở mỗi giai đoạn lịch sử của đất nước, trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng đều khẳng định vị trí quan trọng hàng đầu của nông nghiệp, nông thôn: coi việc "phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện nền kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội".

Để phát huy vai trò quan trọng của nông nghiệp đối với phát triển kinh tế - xã hội thì con đường tất yếu là phải chuyển nông nghiệp nước ta từ tình trạng phổ biến là sản xuất nhỏ, tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hoá. Đó là xu hướng phát triển tất yếu, hợp quy luật chuyển biến từ nền nông nghiệp truyền thống, lạc hậu thành nền nông nghiệp tiên tiến, hiện đại. Tuy nhiên cần nhận thấy rằng đưa nông nghiệp sang phát triển sản xuất hàng hoá là quá trình lâu dài, đầy khó khăn và phức tạp. Quá trình đó đòi hỏi sự nỗ lực, cố gắng không ngừng của bản thân ngành nông nghiệp, mà cần có sự giúp đỡ của các ngành và đặc biệt là sự hỗ trợ của Nhà nước. Nhà nước phải chủ động điều khiển và tạo điều kiện thuận lợi để hình thành dần những đặc trưng của nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá; cần có chính sách gắn được sự phát triển của nông nghiệp với công nghiệp, thương mại - dịch vụ và các ngành, các lĩnh vực có liên quan khác ...

5.3. Một số vấn đề kinh tế chủ yếu trong phát triển nông nghiệp nước ta

Sau hơn mười năm thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, nông nghiệp nông thôn nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện. Từ một nền nông nghiệp tự cấp tự túc, lạc hậu, thiếu lương thực triền miên đến nay về cơ bản đã là một nền nông nghiệp hàng hoá, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, có tỷ suất hàng hoá ngày càng cao, nhiều mặt hàng có số lượng xuất khẩu lớn, chiếm vị thế cao trong khu vực và trên thế giới; đã hình

thành một số vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến như lúa gạo, mía đường ... Cơ cấu kinh tế nông nghiệp đã có sự chuyển biến tích cực. Trình độ sản xuất nông nghiệp đã có những tiến bộ đáng kể, nhất là về khoa học và công nghệ. Quan hệ sản xuất ở nông thôn đã có những đổi mới đúng hướng và có tác động tích cực đến phát triển nông nghiệp hàng hoá. Thu nhập và đời sống của đại bộ phận dân cư nông thôn được nâng lên rõ rệt. Tuy nhiên, trong quá trình đổi mới, nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Những kết quả đạt được chưa tương xứng với những tiềm năng và sự phấn đấu của nông dân. Cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn còn lạc hậu. Các hình thức tổ chức sản xuất đổi mới còn chậm. Thị trường chưa phát triển, còn nhiều bế tắc trong tiêu thụ sản phẩm. Tình trạng phân hoá giàu nghèo vẫn có xu hướng gia tăng.

Từ thực tiễn phát triển nông nghiệp trong những năm qua, từ quan điểm coi nông nghiệp, nông thôn là cơ sở của tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội và nâng cao đời sống nhân dân, định hướng phát triển nông nghiệp nước ta thời gian tới là: Xây dựng một nền nông nghiệp hàng hoá mạnh, phát triển đa dạng và bền vững, từng bước hiện đại hoá trên cơ sở áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao, có khả năng cạnh tranh quốc tế. Đó là định hướng tổng quát, lâu dài nhằm chuyển nền nông nghiệp nước ta từ tình trạng sản xuất lạc hậu, chủ yếu là tự cấp tự túc thành nền nông nghiệp hàng hoá lớn, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Để từng bước xây dựng và phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn đòi hỏi phải giải quyết hàng loạt những vấn đề phức tạp. Những vấn đề không chỉ ở lĩnh vực quan hệ sản xuất mà cả ở lĩnh vực lực lượng sản xuất, không chỉ trong nội bộ ngành nông nghiệp mà là vấn đề có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác của nền kinh tế quốc dân. Trong điều kiện nước ta hiện nay cần quan tâm giải quyết một số vấn đề kinh tế chủ yếu sau:

5.3.1. Quy hoạch các vùng nông nghiệp sản xuất hàng hoá

Muốn tiến hành quy hoạch các vùng nông nghiệp sản xuất hàng hoá có cơ sở khoa học đòi hỏi Nhà nước phải xây dựng được chiến lược phát triển kinh tế -

xã hội nói chung và chiến lược phát triển nông nghiệp nói riêng. Trong nông nghiệp phải xây dựng được chiến lược phát triển những cây, con chủ lực (chiến lược sản xuất lúa gạo, cà phê, chè, cao su ...)

Trong quy hoạch các vùng nông nghiệp sản xuất hàng hoá cần quán triệt quan điểm phát triển nông nghiệp toàn diện, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, phát triển các vùng cây công nghiệp, vùng rau, hoa quả và các loại nông sản nguyên liệu để thay thế nhập khẩu mà nước ta có khả năng như bông, đậu tương, ngô, sữa ...

Quy hoạch các vùng nông nghiệp phải gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá, phù hợp xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Trong quy hoạch cần quan tâm phát triển các vùng nông nghiệp xuất khẩu, vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, vùng nông nghiệp sinh thái (kết hợp phát triển nông nghiệp với du lịch) và các khu nông nghiệp công nghệ cao.

Các quy hoạch phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ các yếu tố tác động đến quy hoạch như: đất đai, thị trường, vốn, khoa học và công nghệ, nhân lực ...

Quy hoạch phải có tính liên ngành theo vùng và tiểu vùng kinh tế - sinh thái, không nên quy hoạch phát triển theo cấp hành chính - kinh tế. Trong quy hoạch các vùng sản xuất hàng hoá nông nghiệp phải gắn với công nghiệp chế biến, bảo quản, các dịch vụ hỗ trợ, cơ sở hạ tầng và các điều kiện thị trường cần thiết khác (kho tàng, bến bãi, chợ bán buôn, bán lẻ ...).

Trên cơ sở quy hoạch, Nhà nước cũng như các địa phương cần có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển tất cả các ngành, các lĩnh vực có liên quan phát triển của vùng, như phát triển trang trại, công nghiệp chế biến, dịch vụ, cơ sở hạ tầng ... Về phía Nhà nước: các cấp, các ngành cần có những quy định, hướng dẫn, khuyến cáo và quản lý chặt chẽ việc khai thác, sử dụng tài nguyên (đất, nước) vào phát triển nông - lâm - ngư nghiệp cho phù hợp với quy hoạch.

Quy hoạch các vùng nông nghiệp sản xuất hàng hoá một cách khoa học, chính xác là cơ sở để Nhà nước, các ngành và các cơ sở sản xuất đầu tư phát triển sản xuất các nông sản hàng hoá có hiệu quả, tạo điều kiện để khai thác lợi thế so sánh của đất nước cũng như từng vùng, địa phương trong phát triển nông nghiệp. Quy hoạch các vùng nông nghiệp hàng hoá còn tạo điều kiện để phát triển nông nghiệp bền vững, tránh tình trạng phát triển tự phát, bất chấp cả việc huỷ hoại môi trường tự nhiên và đưa thừa nông sản không tiêu thụ được.

5.3.2. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, có hiệu quả trong nông nghiệp, nông thôn

Nền kinh tế nước ta hiện nay được đặc trưng bởi nhiều thành phần kinh tế, với nhiều chế độ sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất như: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể và tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên do mỗi ngành sản xuất, kinh doanh có những đặc điểm riêng biệt nên cần lựa chọn và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, có hiệu quả. Trong điều kiện nông nghiệp nước ta, cần quan tâm phát triển các hình thức tổ chức sản xuất sau:

- Kinh tế hộ gia đình nông dân:

Về mặt lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn phát triển nông nghiệp hàng trăm năm của các nước trên thế giới đều khẳng định kinh tế hộ gia đình nông dân tồn tại là một tất yếu, là hình thức tổ chức kinh tế phù hợp với đặc điểm sản xuất nông nghiệp.

Kinh tế hộ gia đình nông dân là một hình thức tổ chức kinh tế, là đơn vị kinh tế cơ sở, có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp, vừa có những đặc trưng của một đơn vị kinh tế (một doanh nghiệp) vừa có những đặc trưng của một hộ gia đình.

Với tư cách là một hộ gia đình nên các thành viên tham gia sản xuất là những người có quan hệ với nhau về hôn nhân và huyết thống (có thể có thành viên ngoài gia đình tham gia nhưng chỉ có tính tạm thời - lao động thời vụ), họ cùng sống chung trong một mái nhà (trong một căn hộ), có chung một nguồn thu nhập (chung ngân quỹ) và thực hiện chức năng tái sản xuất ra con người - sức

lao động tương lai. Là đơn vị kinh tế gắn với từng hộ gia đình nông dân nên người chủ gia đình có chức năng nuôi dạy và giáo dục con cái để tạo sức lao động tương lai, để có người kế nghiệp.

Với tư cách là đơn vị kinh tế, kinh tế hộ gia đình nông dân cũng giống như các đơn vị kinh tế là thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh (tạo ra của cải vật chất) và người chủ gia đình phải thực hiện chức năng quản lý sản xuất kinh doanh (chức năng của người chủ doanh nghiệp) đồng thời trực tiếp tham gia sản xuất (chức năng của một công nhân - người lao động trực tiếp).

Đối với nước ta, kinh tế hộ gia đình nông dân ngày càng khẳng định vị trí quan trọng của nó trong sản xuất nông nghiệp, trở thành hình thức tổ chức sản xuất cơ bản, có hiệu quả cao trong nông nghiệp. Kinh tế hộ gia đình nông dân nước ta hiện nay cũng như sau này sẽ là khu vực chủ yếu sản xuất và cung cấp nông sản cho xã hội (kể cả tiêu dùng trong nước và xuất khẩu). Sự tồn tại kinh tế hộ gia đình nông dân sẽ có ý nghĩa chi phối đến phương thức, nội dung hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất khác trong nông nghiệp (các loại hợp tác xã, doanh nghiệp nhà nước, các công ty cổ phần, liên doanh ...); chi phối đến phương hướng hoạt động của các ngành có liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là các ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp và kinh tế nông thôn, các ngành công nghiệp chế biến, các ngành dịch vụ, giáo dục, đào tạo ... Đồng thời sự tồn tại kinh tế hộ gia đình còn chi phối đến việc nghiên cứu, xây dựng hệ thống chính sách kinh tế và các giải pháp kinh tế vĩ mô của nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn.

Trước tình hình khủng hoảng, bế tắc của phong trào hợp tác hoá, ở một số địa phương đã xuất hiện "khoán hộ" và sau đó là sự ra đời của Chỉ thị 100 CT/TW (tháng 1/1981) về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động. Sau đó là Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về "đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp". Thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị cùng với Nghị quyết TW khoá VI, hộ gia đình xã viên được thừa nhận là đơn vị kinh tế tự chủ, là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với phát triển nông nghiệp ở nước ta. Điều đó hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của hàng chục triệu nông dân. Vì vậy từ

1988 đến nay, sản xuất nông nghiệp nước ta liên tục tăng trưởng, đáp ứng nhu cầu cơ bản cho tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

Tuy nhiên đã hơn 10 năm hộ gia đình nông dân được thừa nhận là đơn vị kinh tế tự chủ, nhưng trong thực tế, việc thực hiện quyền tự chủ của họ vẫn còn nhiều hạn chế và mâu thuẫn. Việc thừa nhận hộ là đơn vị kinh tế tự chủ nhưng cho đến nay ở một số địa phương mô hình hợp tác xã kiểu cũ vẫn còn tồn tại, những vấn đề về đất đai và cơ chế quản lý vĩ mô chưa đổi mới kịp. Tình trạng chia đất manh mún sau Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị đang là cản trở lớn đến phát triển nông nghiệp hàng hoá của mỗi hộ gia đình nông dân. Về phía bản thân các hộ gia đình nông dân, chưa thật sự có năng lực làm chủ trong nền kinh tế thị trường do trình độ có hạn, do thiếu vốn, do sống lâu trong mô hình hợp tác xã - tập thể hoá, trong cơ chế bao cấp ... Những mâu thuẫn và những hạn chế đó đang là lực cản cho sự phát triển của kinh tế hộ gia đình nông dân theo hướng phát triển sản xuất hàng hoá. Vì vậy để hộ gia đình nông dân thực sự trở thành đơn vị kinh tế tự chủ sản xuất hàng hoá đòi hỏi phải có một hệ thống giải pháp đồng bộ từ phía Nhà nước (trung ương, địa phương), của các ngành cũng như của bản thân từng hộ.

Tuy nhiên, việc hình thành các trang trại gia đình đòi hỏi phải có thời gian. Sự hình thành và phát triển của mô hình trang trại gia đình gắn liền với sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự phân công lao động xã hội, sự phân hoá các ngành nghề ngay trên từng địa phương. Đối với nước ta không phải vùng nào cũng có khả năng hình thành nhanh chóng các trang trại. Trong điều kiện hiện nay đối với vùng đất đai bình quân đầu người cao, khả năng mở thêm diện tích canh tác còn lớn, nhất là các tỉnh trung du, miền núi, các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long, thì khả năng hình thành các trang trại sẽ nhanh hơn.

Mặt khác, cần nhận thức ở nước ta hiện nay không phải chỉ có các hộ gia đình nông dân (hộ xã viên trong các hợp tác xã trước đây, hộ nông dân cá thể) mà cả các hộ công nhân trong các nông, lâm trường quốc doanh cũng trở thành đơn vị kinh tế tự chủ (số đông sẽ trở thành trang trại). Đây là vấn đề đang có những nhận thức khác nhau mà thực tiễn đang đặt ra cần giải quyết. Vì vậy để

tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình chuyển mạnh sang sản xuất hàng hoá, hình thành các trang trại gia đình, cần quan tâm giải quyết các vấn đề sau:

- *Một là*, cần thực hiện nhất quán luật đất đai đối với các hộ (không phân biệt các hộ như hiện nay). Tất cả các hộ đều phải được Nhà nước giao quyền sử dụng đất đai lâu dài hoặc cho thuê theo luật đất đai. Hiện nay các hộ nông dân (hộ xã viên trước đây và hộ cá thể) được Nhà nước giao quyền sử dụng đất đai lâu dài, còn các hộ công nhân trong các nông, lâm trường lại do các nông, lâm trường giao đất dưới dạng khoán, đấu thầu hoặc bán (bán vườn cây). Nhà nước cùng các địa phương cần tiến hành điều tra tình hình quản lý, sử dụng đất đai trong tất cả các nông, lâm trường để có biện pháp quản lý phù hợp với luật đất đai và giao quyền sử dụng lâu dài cho các tổ chức, cá nhân, chủ yếu là cho nông dân.

- *Hai là*, cần xoá bỏ những ràng buộc phi lý đối với kinh tế hộ gia đình nông dân. Khi hộ gia đình trở thành đơn vị kinh tế tự chủ thì hộ toàn quyền quyết định tất cả các vấn đề có liên quan đến sản xuất kinh doanh như: sản xuất cái gì ? sản xuất như thế nào ? sản xuất cho ai ? cũng như phân phối kết quả làm ra. Song trên thực tế các hợp tác xã và nông trường quốc doanh vẫn chưa đổi mới kịp, chưa thật sự tôn trọng quyền tự chủ của các hộ, vẫn còn bắt các hộ đóng góp một số khoản theo diện tích đất để nuôi bộ máy, trong lúc bộ máy đó không giúp được gì cho kinh tế hộ. Về phía các địa phương, nhất là các cấp xã vẫn còn bắt các hộ gia đình đóng góp quá nhiều khoản, nhiều nơi trở thành gánh nặng đối với các hộ gia đình nông dân.

- *Ba là*, Nhà nước cần có kế hoạch giúp đỡ kinh tế hộ gia đình nông dân từng bước tháo gỡ khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Từ sản xuất nhỏ lạc hậu, chủ yếu là tự cấp, tự túc chuyển sang sản xuất hàng hoá nên các hộ gia đình gặp rất nhiều khó khăn, hạn chế trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy cần có kế hoạch và xác định rõ thức tự các nội dung cần ưu tiên trong việc giúp đỡ nông dân. Trong những năm tới cần tập trung vào các vấn đề sau:

+ Giúp nông dân định hướng sản xuất: sản xuất cái gì mà thị trường cần và cần bao nhiêu ?

+ Giúp nông dân ứng dụng khoa học và công nghệ.

+ Giúp nông dân vay vốn thuận lợi.

+ Cần có giải pháp đồng bộ giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm một cách có lợi nhất. Muốn giúp nông dân tiêu thụ được sản phẩm Nhà nước phải quan tâm từ công tác xây dựng chiến lược phát triển từng loại nông sản, công tác quy hoạch, giống, chế biến, bảo quản, tìm kiếm thị trường và các giải pháp bảo trợ lúc cần thiết.

+ Giúp nông dân đào tạo nâng cao trình độ sản xuất, kinh doanh thích ứng với nền kinh tế thị trường.

- *Phát triển đa dạng các hình thức hợp tác và hợp tác xã (kinh tế tập thể)*

Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tự chủ do những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện góp vốn, góp sức lập ra, theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh tập thể và của từng xã viên nhằm giúp nhau thực hiện có hiệu quả hơn các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và cải thiện đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Về phương diện lý luận cũng như kinh nghiệm hàng trăm năm phát triển nông nghiệp ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển đều khẳng định sự phát triển các hình thức hợp tác và hợp tác xã trong nông nghiệp là một tất yếu.

Trong nền kinh tế thị trường do quy luật cạnh tranh nên từng hộ gia đình muốn tồn tại và phát triển họ phải hợp tác với nhau. Bởi lẽ, để tạo ra sản phẩm và dịch vụ có chất lượng cao, giá thành hạ để cạnh tranh được trên thị trường thì có những khâu từng hộ không làm được, hoặc làm không hiệu quả (chẳng hạn như khâu thủy lợi, đưa giống mới vào sản xuất, tiêu thụ nông sản ...). Từ đó để bảo vệ và thực hiện lợi ích, các hình thức hợp tác và hợp tác xã phát triển rất đa dạng. Người nông dân có thể hợp tác với nhau thông qua thị trường (thông qua quan hệ mua bán) và hợp tác với nhau thông qua các tổ chức kinh tế mà họ lập ra - Đó là các hợp tác xã, các hiệp hội ... Về nguyên tắc, những khâu nào thông

qua thị trường không giải quyết được hoặc có thể gây ra những bất lợi cho nông dân thì có thể hình thành hợp tác xã.

Đối với nước ta hiện nay, cần tạo điều kiện và khuyến khích phát triển đa dạng các hình thức hợp tác và hợp tác xã phù hợp với từng lĩnh vực, từng địa phương. Chẳng hạn, giữa các hộ gia đình nông dân có thể hợp tác với nhau để làm dịch vụ, để cùng sản xuất kinh doanh dưới các hình thức như: tổ hợp tác, tổ liên gia, hợp tác xã, tổ cộng đồng dân cư ... Hoặc các hộ nông dân có thể hợp tác với các tổ chức khác, trước hết là các tổ chức của nhà nước như các trung tâm, viện nghiên cứu, các công ty dịch vụ, chế biến, kinh doanh nông sản. Hình thức hợp tác này có thể thực hiện thông qua các hợp đồng kinh tế hoặc dưới dạng công ty cổ phần ... Ngoài ra, nông dân còn có thể hợp tác với nhau thông qua việc thành lập các hiệp hội (hội làm vườn, hội nuôi ong, nuôi ba ba ...)

Nông nghiệp càng chuyển mạnh sang sản xuất hàng hoá thì nhu cầu hợp tác sẽ ngày càng tăng và sẽ phát triển đa dạng các loại hình hợp tác xã. Trong điều kiện nước ta, để hợp tác xã phát triển, trở thành hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả, phù hợp nguyện vọng của nông dân cần quan tâm giải quyết các vấn đề sau:

- Trước hết, cần khẳng định các hình thức hợp tác và hợp tác xã được phát triển trên cơ sở tự nguyện của những người lao động (có nhu cầu lợi ích cùng góp vốn, góp sức tạo ra).

Điều đó có nghĩa là không được bắt ép nông dân tham gia các hình thức hợp tác và hợp tác xã dưới bất cứ hình thức nào và Nhà nước không được can thiệp trực tiếp vào việc thành lập các hình thức của kinh tế tập thể.

- Hai là, cần khuyến khích và tạo điều kiện phát triển đa dạng các hình thức hợp tác và hợp tác xã phù hợp với từng lĩnh vực, từng địa phương. Sự phát triển đa dạng các hình thức hợp tác xã hiện nay phải có sự thay đổi căn bản về mô hình so với hợp tác xã kiểu cũ. Hay nói cách khác là phát triển các hợp tác xã kiểu mới phải có sự thay đổi căn bản về chất so với các hợp tác xã - tập thể hoá trước đây.

Hợp tác xã kiểu mới có các đặc trưng là:

+ Hợp tác xã là một tổ chức kinh tế, một hình thức liên hiệp tự nguyện của các hộ nông dân tự chủ.

+ Hợp tác xã là một tổ chức kinh tế độc lập cùng tồn tại gắn bó mật thiết với các hộ nông dân cũng là các tổ chức kinh tế độc lập.

+ Hợp tác xã phát triển rất đa dạng về quy mô, trình độ tổ chức, chức năng và phương hướng hoạt động. Trong đó hình thức phổ biến là hợp tác xã đảm nhận cung cấp cho các hộ nông dân các dịch vụ đầu vào và đầu ra của quá trình sản xuất - chế biến - tiêu thụ, trước hết là các khâu dịch vụ xa quá trình sinh học của sản xuất nông nghiệp.

+ Hợp tác xã được thành lập và hoạt động về nguyên tắc không phụ thuộc vào địa giới hành chính của các hộ nông dân tham gia hợp tác xã, mà phụ thuộc vào đặc điểm của từng loại chức năng mà hợp tác xã hoạt động và trình độ kinh doanh của hợp tác xã.

+ Mục đích hoạt động của hợp tác xã là phục vụ lợi ích thiết thân của hộ nông dân. Song là chủ thể kinh doanh trong cả thị trường, hợp tác xã phải thích ứng với điều kiện của nền kinh tế thị trường, phải chấp nhận cạnh tranh, nghĩa là kinh doanh là phương thức để tồn tại, phát triển và qua đó mà đánh giá hiệu quả hoạt động của hợp tác xã.

+ Hợp tác xã là tổ chức tự quản, tự chịu trách nhiệm, hoạt động theo pháp luật và điều lệ của hợp tác xã, không chịu sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước vào hoạt động kinh doanh.

- Ba là, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước, các ngành, các cấp trong việc phát triển các hình thức kinh tế hợp tác và hợp tác xã.

+ Tập trung chỉ đạo việc chuyển đổi các hợp tác xã theo luật (hợp tác xã kiểu cũ). Cần tránh tình trạng chuyển đổi hình thức, chưa có sự chuyển biến rõ rệt về nội dung và phương thức hoạt động. Đối với những hợp tác xã yếu kém, tồn tại hình thức đã có nhiều biện pháp hỗ trợ nhưng không khắc phục được, xã viên có nguyện vọng thì xem xét cụ thể từng trường hợp, có thể cho giải thể và hướng dẫn, giúp đỡ nông dân hình thành các hình thức kinh tế mới phù hợp.

+ Cần tạo điều kiện thuận lợi và giúp các hợp tác xã mới chuyển đổi và hợp tác xã mới thành lập hoạt động hiệu quả như: giúp các hợp tác xã đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, kỹ thuật, kinh doanh, tạo điều kiện cho các hợp tác xã vay vốn, xử lý dứt điểm công nợ của hợp tác xã (nợ ngân hàng, nợ thuế, nợ các doanh nghiệp nhà nước ...). Đối với hợp tác xã làm dịch vụ cho kinh tế hộ cần miễn thuế, miễn tiền thuê đất làm trụ sở ... Các tổ chức nhà nước cần tăng cường cung cấp đầy đủ, kịp thời các loại thông tin có liên quan đến hoạt động của hợp tác xã như thông tin về thị trường, giá cả, khoa học, công nghệ; thông tin về chính sách, pháp luật ...

- Tăng cường hệ thống tổ chức quản lý nhà nước đối với hợp tác xã từ Trung ương tới địa phương (tới huyện) để hướng dẫn, giúp đỡ các hợp tác xã hoạt động nhất là hoạt động phục vụ cho hộ nông dân. Hệ thống tổ chức quản lý nhà nước cần coi hợp tác xã là khâu trung gian, cầu nối để đưa các chính sách và giải pháp của Nhà nước đến với nông dân. Thực tế hiện nay, nhiều chính sách và giải pháp ưu đãi, giúp đỡ của Nhà nước đối với nông dân không đến được từng hộ nông dân mà chỉ đến các tổ chức trung gian (tư thương hoặc các tổ chức không phải của nông dân). Về nguyên tắc Nhà nước cần tăng cường giúp đỡ trực tiếp đến từng hộ nông dân, không nên qua các trung gian. Nhưng do số lượng hộ lớn, lại sống phân tán nên sự giúp đỡ trực tiếp của Nhà nước nhiều khi rất khó khăn và tốn kém. Vì vậy nếu các hợp tác xã thực sự là tổ chức kinh tế tự nguyện của các hộ nông dân tự chủ, tự quản sẽ có tác dụng rất lớn trong việc thực hiện các biện pháp giúp đỡ của Nhà nước đối với nông dân.

Tăng cường hệ thống tổ chức quản lý của Nhà nước đối với hợp tác xã không có nghĩa là các tổ chức Nhà nước can thiệp trực tiếp vào hoạt động của các hợp tác xã mà là hướng dẫn, giám sát hoạt động của hợp tác xã theo đúng chính sách và luật pháp.

- Doanh nghiệp Nhà nước

Đây là hình thức tổ chức sản xuất do Nhà nước trực tiếp đầu tư xây dựng và hoạt động theo định hướng của Nhà nước.